TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày: 18-6-2021
V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Vân- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 22/2021/TB-TA ngày 17/5/2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1963 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngo 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

** Bị đơn: Ông Giáp Ngọc L, sinh năm 1956 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Kép 2 (nay là thôn Kép Thượng), xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1963 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn Ngo 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

- Chị Bà Vũ Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Kép 2 (nay là thôn Kép Thượng), xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

- Anh Giáp Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Kép 2 (nay là thôn Kép Thượng), xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

** Người làm chứng:*

- Ông Dương Văn Q, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Kép 2 (nay là thôn Kép Thượng), xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

- Ông Dương Văn T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Mai Hoàng, xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/6/2019 và các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hoàn giải nguyên đơn ông Vũ Văn B trình bày:

Ông và ông L có mối quan hệ quen biết. Do gia đình nhà ông là đại lý bán cám nên gia đình ông L có nhu cầu mua cám để chăn nuôi. Gia đình ông L bắt đầu mua cám của nhà ông từ năm 2004, đến ngày 27/8/2018 thì chốt sổ tổng số tiền nợ là 85.714.000 đồng, ông L là người trực tiếp viết và ký giấy nhận nợ, có ông Dương Văn T, sinh năm 1960, trú tại thôn Mai Hoàng, xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang và ông Dương Văn Q, sinh năm 1958, trú tại thôn Kép 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang làm kế toán chứng kiến sự việc trên. Từ năm 2006 đến nay thì ông không bán cám cho gia đình ông L nữa, lý do là do gia đình ông L nợ lâu không trả được. Cụ thể những lần mua bán cám thì chỉ có ông L đến mua bán cám còn vợ con ông L không mua bán lần nào và việc ký nhận nợ đều do một mình ông L ký. Việc mua bán cám đều được ghi cụ thể vào sổ của gia đình ông, và có chữ ký của ông L.

Ngày 27/08/2018, tại nhà ông tại thôn Ngo 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang ông và ông L có T thuận như sau: Đã công nhận nợ và chốt sổ tổng chốt nợ số tiền là 85.714.000 đồng, ông L đã nhận nợ và ký tên "L", và "Giáp Ngọc L" vào biên bản chốt nợ này. Khi chốt sổ có ông, ông L và hai người chứng kiến là ông T và ông Q. Ngoài ra không còn ai khác. Biên bản chốt nợ ngày 27/8/2018 được lập tại nhà ông, toàn bộ biên bản là do ông L trực tiếp viết và ký tên. Lúc lập biên bản này có ông, ông L, và hai người chứng kiến là ông Dương Văn T và ông Dương Văn Q chứng kiến sự việc trên, có mặt. Sau đó biên bản các bên được đọc lại, những người có mặt nhất trí và kí tên. Sau đó biên bản chốt sổ nợ được lập thành một bản gốc và do ông giữ.

Khi lập biên bản chốt sổ về nợ, ngoài vợ chồng ông, ông L và ông T, ông Q thì không còn ai chứng kiến việc đó. Ông xác định khoản nợ của ông L là khoản tiền chung của hai vợ chồng ông. Khi ông L mua cám nói là mục đích để chăn nuôi, ông xác định là khoản nợ chung của vợ chồng ông L. Chữ viết trong sổ chốt nợ là chữ ông L viết và có ký xác nhận nợ " L", " Giáp Ngọc L" trong sổ.

Ngày 02/9/2018 giữa ông và ông L có lập một biên bản T thuận trả nợ tiền cám chăn nuôi và tại biên bản T thuận đó T thuận chốt nợ tiền cám là 53.000.000 đồng. Ngày 30/9/2018 ông B và bà L có nhận của ông L (do anh Giáp Văn H là con trai ông L trả hộ thay) số tiền 26.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Vũ Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng ông L, bà T phải thanh toán cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của ngân hàng Nhà nước 10%/năm kể từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2021. Cụ thể tiền lãi là bao nhiêu ông không tính được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của ông Giáp Ngọc L trình bày như sau:

Ông và ông B, bà L có quan hệ họ hàng xa, bà Vũ Thị T là vợ ông. Hai bên mua bán cám không có hợp đồng. Do gia đình nhà ông B là đại lý bán cám nên gia đình ông có nhu cầu mua cám để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Gia đình ông mua cám của gia đình ông B chỉ ghi sổ của gia đình ông B, gia đình ông không ghi sổ sách, giấy tờ gì. Gia đình ông bắt đầu mua cám của nhà ông B từ năm 2005, đến năm 2015 thì ông B không cho gia đình ông lấy cám nữa, nên ông phải mua cám chăn nuôi của người khác, lý do là ông B sợ gia đình ông không trả được tiền nữa. Cụ thể những lần mua bán cám thì ông và ông B có ghi vào sổ của ông B. Các lần lấy cám đều do ông lấy cám, vợ ông không lấy lần nào.

Sau khi các lần ghi sổ của gia đình ông B thì ông đã phát hiện ra ông B xóa sổ và ghi vào thêm vào trong sổ của nhà ông B lấy thêm bao nhiêu bao. Thực tế gia ông đã trả cho gia đình ông B 136.000.000 đồng trong đó xóa sổ là 72.000.000 đồng. Sau mỗi lần lấy cám thì ông bán lợn trả và lấy cám lần tiếp theo. Khi lấy cám và trả tiền thì có vợ chồng ông B và ông, ngoài ra không có ai khác.

Tại giấy chốt nhận nợ ngày 27/8/2018 được lập tại nhà ông B và chữ viết trong giấy chốt nợ do ông viết và ký nhận. Lúc lập chốt sổ nợ có vợ chồng ông B, có ông và có ông T, còn ông Q có hay không ông không biết. Sau đó biên bản các bên được đọc lại, những người có mặt nhất trí và kí tên. Chữ "L", "Giáp Ngọc L" kí trong giấy chốt nợ đúng là chữ kí của ông. Khi lập giấy chốt nhận nợ ngày 27/8/2018, ngoài vợ chồng ông B, ông và ông T thì còn có ai chứng kiến. Ngoài những người trên thì ông không biết. Ông xác định mua cám với mục đích chăn nuôi của gia đình nhưng vợ ông không biết việc mua bán cám và không liên quan gì đến vụ án. Đề nghị không đưa vợ ông vào tham gia tố tụng. Ông xác định không còn nợ tiền cám vợ chồng ông Vũ Văn B nên ông B có đơn khởi kiện gia đình ông thì ông không đồng ý.

Nay ông không nhất trí trả nợ cho gia đình ông B vì ông đã trả hết nợ cho ông B rồi. Ông chữ viết trong giấy chốt nợ trên là do ông viết và ký xác nhận. Ông không đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu của ông B nhưng ông thừa nhận ông còn nợ số tiền hiện tại ông chưa trả số tiền 27.000.000 đồng. Số tiền 136.000.000 đồng mà ông B nợ ông là trước thời điểm tháng 9/2018. Trước đây ông có đơn yêu cầu phản tố, Tòa án nhân dân tỉnh B Giang có yêu cầu ông nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố nhưng lý do ông không nộp tiền tạm ứng án phí vì đơn đó của ông chỉ là nội dung phản bác, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của

Tại phiên tòa ông Giáp Ngọc L có mặt trình bày: Ông không đồng ý trả ông B số tiền 27.000.000 đồng và tiền lãi như yêu cầu của ông B tại phiên tòa

với lý do ông đã trả hết số tiền cho ông B nhưng ông không xuất trình tại phiên tòa được tài liệu, chúng cứ gì cho Hội đòng xét xử.

* Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị L người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà và ông Vũ Văn B có bán cám cho ông Giáp Ngọc L ở Lam Cốt, huyện Tân Yên, đã chốt nợ với ông Vũ Ngọc L là 85.714.000 đồng, ông L chưa thanh toán cho gia đình bà số tiền trên. Nay bà đề nghị gia đình ông L phải trả cho gia đình bà cả số tiền gốc trên và lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L vắng mặt đã có ủy quyền cho ông Vũ Văn B.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2019 người làm chứng ông Dương Văn Q trình bày:

Ông và vợ chồng ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L, bà Vũ Thị T, ông Giáp Ngọc L không có quan hệ anh em họ hàng mà chỉ có mối quan hệ quen biết. Tại thời điểm chốt nợ ngày 27/8/2018 tại nhà ông B có mặt ông Vũ Văn B, ông Giáp Ngọc L, ông Dương Văn T và ông. Ngoài ra không có người nào khác. Ông B nhờ ông T đến nhà ông B cộng sổ nợ hộ, còn ông L nhờ ông đến cộng. Ông L và ông B thống nhất với nhau từng khoản nợ và số tiền ông L đã trả cho ông B và đọc cho ông và anh T cùng cộng để chốt nợ. Thời gian chốt sổ từ 8 giờ sáng đến 18 giờ ngày 27/8/2018 mới chốt xong số nợ. Sau khi trừ đi số tiền ông L đã thanh toán cho ông B thì ông L còn nợ ông B số tiền là 85.714.000 đồng (Tám mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Cả ông L và ông B đều nhất trí số nợ là 85.714.000 đồng (Tám mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Giấy chốt nợ là do ông Giáp Ngọc L trực tiếp viết và ký vào tờ giấy chốt nợ. Sau đó ông T có viết ở cuối tờ giấy chốt nợ dòng chữ: "Tôi làm kế toán kiểm tra sổ sách cho anh B và bác L", sau đó ông và ông Dương Văn T có ký và ghi rõ họ tên ở cuối giấy biên nhận với tư cách là người làm chứng. Ông xác nhận chữ ký và chữ viết " Dương Văn Q" trong tờ giấy chốt nợ ông L viết ngày 27/8/2018 là chữ ký và chữ viết của ông.

Tại phiên tòa ông Dương Văn Q có mặt trình bày: Ông xác nhận có sự việc các bên giữa ông B và ông L viết giấy chốt nợ ngày 27/8/2018, việc chốt nợ này là đúng sự thật, hoàn toàn khách quan. Ông có mặt chứng kiến các bên chốt nợ và ký xác nhận vào giấy chốt nợ trên với tư cách người làm chứng. Còn sau đó sự việc diễn ra như thế nào nữa thì ông không nắm được.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2019 người làm chứng ông Dương Văn T trình bày:

Ông và vợ chồng ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L có mối quan hệ quen biết hơn 20 năm nay, còn đối với bà Vũ Thị T, ông Giáp Ngọc L thì ông mới biết từ ngày ông B nhờ ông đến cộng sổ chốt nợ cho ông L. Tại thời điểm chốt nợ ngày 27/8/2018 tại nhà ông L có mặt ông Vũ Văn B, ông Giáp Ngọc L, ông Dương Văn Q và ông Dương Văn T. Ngoài ra không có người nào khác.

Ngày 27/8/2018 ông B nhờ ông đến nhà ông B cộng sổ nợ hộ vì ông đã từng có kinh nghiệm làm kế toán, còn ông L nhờ ông Q đến cộng. Ông L và ông B thống nhất từng khoản nợ và số tiền ông L đã trả cho ông B và đọc cho ông và anh Q cùng chốt nợ. Thời gian cộng sổ từ 8 giờ sáng đến 18 giờ ngày 27/8/2018

mới chốt xong số nợ. Sau khi trừ đi số tiền ông L đã thanh toán cho ông B thì ông L còn nợ ông B số tiền là 85.714.000 đồng (Tám mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Cả ông L và ông B đều nhất trí số nợ là 85.714.000 đồng (Tám mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Giấy chốt nợ là do ông Giáp Ngọc L trực tiếp viết và ký vào tờ giấy chốt nợ. Sau đó ông có viết ở cuối tờ giấy chốt nợ dòng chữ: "Ông làm kế toán kiểm tra sổ sách cho anh B và bác L", sau đó ông và anh Dương Văn Q có ký và ghi rõ họ tên ở cuối giấy biên nhận. Ông xác nhận chữ ký và chữ viết " Dương Văn T" trong tờ giấy chốt nợ giữa ông L và ông B ngày 27/8/2018 là chữ ký và chữ viết của ông.

Về biên bản T thuận ngày 02/9/2018 giữa ông B và ông L: biên bản này được lập tại nhà ông B, có mặt ông, ông B, ông L, con trai ông L là anh H, bà L. Sau khi các bên thống nhất T thuận nội dung trả nợ tiền cám thì ông là người trực tiếp đọc cho anh H (con trai ông L) ghi biên bản. Sau khi các bên thống nhất khoản nợ còn 57.000.000 đồng thì anh H xin vợ chồng ông B giảm 4.000.000 đồng tiền nợ, nên biên bản T thuận chốt nợ chỉ còn 53.000.000 đồng. Ông có mặt tại thời điểm ông L và vợ chồng ông B T thuận nhưng ông không ký vào biên bản T thuận ngày 02/9/2018 với tư cách người làm chứng trong biên bản, chỉ vợ chồng ông B, ông L, anh H ký vào biên bản. Sau đó các bên thực hiện T thuận trả nợ như thế nào ông không nắm được.

Tại phiên tòa ông Dương Văn T vắng mặt.

* Đối với bà Vũ Thị T, anh Giáp Văn H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo hòa giải anh H đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ giữa ông B và ông L.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông B, bị đơn ông L chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T, Người làm chứng ông Q, ông T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B: Buộc ông Giáp Ngọc L, bà Vũ Thị T phải trả cho ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 27.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 7.327.500 đồng.

- Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa ông B và L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T, anh Giáp Văn H; Người làm chứng ông Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Vũ Văn B yêu cầu ông L, bà T trả số tiền mua cám còn nợ là 27.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật xác định là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B thì Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả: Tại giấy nhận nợ ngày 27/8/2018 với tổng số tiền là 85.714.000 đồng có chữ ký của Giáp Ngọc L và hai người làm chứng ông Dương Văn T, ông Dương Văn Q. Sau đó các bên lập biên bản T thuận trả tiền cám chăn nuôi ngày 2/9/2018 chốt số tiền nợ là 53.000.000 đồng. Ngày 30/9/2018 ông L (do anh H con trai ông L trả thay ông L) số tiền 26.000.000 đồng. Nay ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông L phải trả ông số tiền gốc 27.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ông L không thừa nhận còn nợ tiền gia đình ông B. Ngày 13/5/2020 ông L có đơn yêu cầu phản tố, sau đó Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố nhưng ông L không nộp tiền tạm ứng án phí và không cung cấp được tài liệu chứng gì về việc ông B có nợ ông số tiền 136.000.000 đồng. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019 và ngày 08/5/2020 đối với ông L thừa nhận đến thời điểm hiện tại ông chưa trả ông B số tiền 27.000.000 đồng. Số tiền 136.000.000 đồng mà ông B nợ ông là trước thời điểm tháng 9/2018. Ông L khẳng định chữ viết trong sổ chốt nợ ngày 27/8/2018 và chữ "L, Giáp Ngọc L" trong giấy chốt nợ đúng là chữ viết và chữ ký của ông.

Tại biên bản lấy lời khai đối với hai người làm chứng là ông Dương Văn Q, ông Dương Văn T và tại phiên tòa ông Q có mặt trình bày thừa nhận các ông được ông B và ông L đến cộng sổ nợ hộ. Việc chốt nợ là do ông B, ông L T thuận, sau khi cộng sổ nợ thì cả ông B, ông L đều nhất trí số nợ là 85.714.000 đồng. Ông T, ông Q xác nhận có mặt chứng kiến sự việc trên và đều cuối giấy chốt nợ có ký vào mục người làm chứng, các ông xác nhận chữ viết và ký trong giấy chốt nợ là chữ viết chữ ký của các ông.

Nay ông B yêu cầu vợ chồng ông L trả số tiền 27.000.000 đồng. Ông L không thừa nhận còn nợ số tiền trên nhưng lại không xuất trình được các chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, ông B không thừa nhận việc ông L đã trả cho ông số tiền trên. Bà T, anh H Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng nhưng bà T, anh H không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông B và vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020 đối với ông L ông khai bà T có biết

việc mua bán cám giữa ông và ông B vì khi mua cám về ông có nói chuyện với bà T, mục đích mua cám của gia đình ông là để chăn nuôi.

Tại phiên tòa ông L trình bày xác nhận đã trả cho ông B số tiền trên nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình, ông B không thừa nhận việc gia đình ông L đã trả số tiền trên. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ cần được chấp nhận, cần buộc ông L, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông B, bà L số tiền gốc là 27.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430; Điều 434; Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất ông B yêu cầu vợ chồng ông L phải trả theo mức lãi suất ngân hàng Nhà nước 10%/năm từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/6/2021 là 02 năm 08 tháng 17 ngày, cụ thể tiền lãi là:

2 năm x 10% x 27.000.000 đồng + 08 tháng x 0,83% x 27.000.000 đồng + 17 ngày x 0,028 % x 27.000.000 đồng = 5.400.000 đồng + 1.793.000 đồng + 128.500 đồng = 7.327.500 đồng.

Như vậy, ông L, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B, bà L tổng số tiền là: 34.327.500 đồng trong đó tiền gốc là 27.000.000 đồng, tiền lãi là 7.327.500 đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa ông B và ông L không T thuận được với nhau. Do các đương sự không T thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông Vũ Văn B được chấp nhận nên ông L, bà T phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông L, bà T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của ông B được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 288; Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B. Buộc ông Giáp Ngọc L, bà Vũ Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 34.327.500 đồng (ba mươi tư triệu ba trăm hai bẩy nghìn năm trăm nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 27.000.000 đồng (hai mươi bẩy triệu đồng), tiền lãi là 7.327.500 đồng (bẩy triệu ba trăm hai bẩy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí:

- Ông Giáp Ngọc L, bà Vũ Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả ông Vũ Văn B số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005854 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Giang;
- VKSND tỉnh B Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Giang;
- VKSND tỉnh B Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Giang;
- VKSND tỉnh B Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập –Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Anh Dũng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 69/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa:

** Nguyên đơn: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1963 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngo 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

** Đồng bị đơn: - Ông Phạm Văn Khanh, sinh năm 1959 (vắng mặt)*

- Bà Thân Thị Lương, sinh năm 1959 (vắng mặt)

- Anh Phạm Văn Chiến, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Chung 3, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ngo 2, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

- Chị Nguyễn Thị Tuyên, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Chung 3, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 288; Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B. Buộc ông Phạm Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Lương, anh Phạm Văn Chiến phải có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L số tiền 49.214.000 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng);

Kết quả biểu quyết: 3/3

[2] Chi phí giám định:

Ông Phạm Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Lương, anh Phạm Văn Chiến phải chịu 4.545.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ viết. Số tiền này do ông Vũ Văn B đã nộp đủ. Buộc ông Phạm Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Lương, anh Phạm Văn Chiến phải trả lại số tiền 4.545.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn đồng) tiền chi phí giám định cho ông Vũ Văn B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Án phí:

- Ông Phạm Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Lương được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn Chiến phải chịu 820.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Vũ Văn B số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002094 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4.Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông B, bị đơn bà Lương có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Khanh, anh Chiến; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L, chị Tuyên vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân